

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ GIÁO  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/DS-ST  
Ngày 23-10-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hữu Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Sự;

Bà Võ Thị Thu Thảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19, 23 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng góp vốn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Bùi Văn M, sinh năm 1974; thường trú: Khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: Khu phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Bùi Văn M: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (theo Giấy uỷ quyền ngày 04 tháng 01 năm 2023); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Bùi Văn M: Ông Trần Hữu N, sinh năm 1978; địa chỉ: A H, khu phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương - Là Luật sư của Chi nhánh Văn phòng Luật sư Trần Hữu N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trần Quốc T1, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Quốc T1: Ông Phạm Quốc L, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (theo Giấy uỷ quyền ngày 12 tháng 12 năm 2022); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy L1, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Thùy L1: Ông Phạm Quốc L, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (theo Giấy uỷ quyền ngày 24 tháng 8 năm 2023); có mặt.

2. Ông Hoàng Quốc V, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; ông V có đơn xin vắng mặt.

3. Ông Trần Quốc H, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Quốc H: Ông Phạm Quốc L, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (theo Giấy uỷ quyền ngày 14 tháng 8 năm 2023); có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Vào ngày 04/7/2020, tại nhà ông Trần Quốc T1 tại ấp L, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương gồm có ông Bùi Văn M, ông Hoàng Quốc V, ông Trần Quốc T1 và ông Trần Quốc H có lập Văn bản thỏa thuận góp vốn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Theo thỏa thuận trên, thống nhất cử ông Trần Quốc H là người đứng ra đại diện cho ông Bùi Văn M, ông Hoàng Quốc V, ông Trần Quốc T1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 254, tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 551375 vào sổ số CS03584 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23/11/2019 và toàn bộ tài sản trên đất là trại heo nằm trên quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận nêu trên với tổng giá trị là 36.000.000.000 đồng (ba mươi sáu tỷ đồng).

Thông qua văn bản thỏa thuận, ông Bùi Văn M, ông Hoàng Quốc V, ông Trần Quốc T1 thỏa thuận góp vốn như sau:

- Ông Hoàng Quốc V góp vốn với số tiền 12.000.000.000 đồng.

- Ông Bùi Văn M góp vốn với số tiền 12.000.000.000 đồng.
- Ông Trần Quốc T1 góp vốn với số tiền 12.000.000.000 đồng.

Với tổng số vốn là 36.000.000.000 đồng, ông Trần Quốc H sẽ là người đứng ra nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên, không góp vốn cũng không được hưởng lợi tức phát sinh sau này.

Đến ngày 19/4/2021, tại nhà ông Bùi Văn M tọa lạc tại khu phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương, gồm có ông Bùi Văn M, ông Hoàng Quốc V, ông Trần Quốc T1 và ông Trần Quốc H lập “Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất” với nội dung chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên và tài sản trên đất cho ông Trần Quốc T1 đứng ra tiếp quản, quản lý và ông Bùi Văn M, ông Hoàng Quốc V, ông Trần Quốc T1 rút vốn. Giá chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nêu trên cho ông Trần Quốc T1 là 30.500.000.000 đồng (ba mươi tỷ năm trăm triệu đồng). Theo thỏa thuận, số tiền nêu trên được thỏa thuận chia cho các cổ phần, cụ thể như sau:

- Ông Hoàng Quốc V được lấy về số tiền là 11.500.000.000 đồng (mười một tỷ năm trăm triệu đồng).

- Ông Bùi Văn M được lấy về số tiền là 16.600.000.000 đồng (mười sáu tỷ sáu trăm triệu đồng).

- Ông Trần Quốc T1 được lấy về số tiền 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng).

Tại thời điểm thỏa thuận, ông T1 hứa sẽ đưa đủ cho ông Bùi Văn M số tiền 16.600.000.000 đồng để ông M làm việc khác sau khi rút vốn. Và thực tế, vì ông T1 hứa đưa lại vốn góp cho ông Bùi Văn M đủ một lần nên ông M mới chịu thiệt hại. Vì ban đầu số vốn của ông T1, ông M và ông V góp vào là tổng 36.000.000.000 đồng, nhưng tại thời điểm rút vốn tổng số vốn góp hạ xuống còn 30.500.000.000 đồng.

Kể từ ngày 19/4/2021 cho đến nay, ông T1 và vợ là bà Nguyễn Thị Thùy L1 đã trả cho ông M tổng số tiền là 11.500.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1, vào ngày 23/4/2021, ông T1 trả cho ông M số tiền mặt là 3.900.000.000 đồng;

Lần 2, vào ngày 25/6/2021, bà L1 chuyển khoản cho ông M số tiền là 6.100.000.000 đồng;

Lần 3, vào ngày 13/7/2021, bà L1 chuyển khoản cho ông M số tiền là 1.500.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận, thời hạn để ông T1 và bà L1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông M là kể từ ngày 19/4/2021 cho đến ngày 30/6/2021. Do đó, ngoài số tiền ông T1 và bà L1 phải trả cho ông M số tiền còn lại là 5.100.000.000 đồng thì ông T1 và bà L1 phải trả lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ tạm tính kể từ ngày 01/7/2021 cho đến ngày

14/12/2022 là 744.412.000 đồng (bảy trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm mười hai ngàn đồng), cụ thể sau đây:

Lãi chậm trả của số tiền 6.600.000.000 đồng kể từ ngày 01/7/2021 cho đến ngày 13/7/2023 là  $6.600.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 12 \text{ ngày} = 21.699.000 \text{ đồng}$ ;

Lãi chậm trả của số tiền 5.100.000.000 đồng kể từ ngày 14/7/2021 cho đến ngày 14/12/2022 là  $5.100.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 17 \text{ tháng} = 722.500.000 \text{ đồng}$ ;

Hiện nay, mặc dù quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 254, tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 551375, số vào sổ CS03584 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23/11/2019 cho ông T1 và bà L1 đã được ông Trần Quốc H là em ruột ông Trần Quốc T1 đứng tên hộ; đồng thời, ông T1 và bà L1 đã nhờ ông H đứng tên hộ vay thế chấp ngân hàng nhưng sau khi nhận được số tiền giải ngân từ ngân hàng thì ông T1 và bà L1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông M theo thỏa thuận.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Văn M là bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thùy L1 chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Bùi Văn M số tiền 5.100.000.000 đồng (năm tỷ một trăm triệu đồng) và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ tạm tính kể từ ngày 01/7/2021 cho đến ngày 19/10/2023 là 1.175.836.000 đồng (một tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng), cụ thể như sau:

Lãi chậm trả của số tiền 6.600.000.000 đồng kể từ ngày 01/7/2021 cho đến ngày 13/7/2023 là  $6.600.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 12 \text{ ngày} = 21.699.000 \text{ đồng}$ ;

Lãi chậm trả của số tiền 5.100.000.000 đồng kể từ ngày 14/7/2021 cho đến ngày 19/10/2023 là  $5.100.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 827 \text{ ngày} = 1.154.137.000 \text{ đồng}$ .

*- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Quốc T1, ông Phạm Quốc L trình bày:*

Ngày 04/7/2020, ông Trần Quốc T1 cùng ông Hoàng Quốc V và ông Bùi Văn M góp vốn mua, nhận chuyển nhượng một thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 551375, số vào sổ CS03584 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23/11/2019 và toàn bộ tài sản trên đất. Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 54, diện tích 42.718m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận số CT 551375, số vào sổ CS03584 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 23/11/2019 cho ông Vũ Văn B. Hiện đăng ký biến động chuyển quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P từ ông Vũ Văn B sang ông Trần Quốc H ngày 10/7/2020.

Thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên do ông M, ông T1, ông V nhận chuyển nhượng với giá 36.000.000.000 đồng (ba mươi sáu tỉ đồng). Ông M, ông T1, ông V mỗi người góp vốn 12.000.000.000 (mười hai tỷ đồng).

Ông M, ông T1, ông V cùng thỏa thuận, đồng ý, thống nhất để thừa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Trần Quốc H là em ruột của ông Trần Quốc T1, đại diện cho ông M, ông T1, ông V, nhận chuyển nhượng thừa đất và đứng tên.

Ông T1, ông V, ông M cùng thỏa thuận, đồng ý, thống nhất giao thừa đất cho ông T1 quản lý, đồng thời có người mua lại được giá sẽ chuyển nhượng kiếm lời.

Ông M, ông T1, ông V cùng tìm kiếm người mua để chuyển nhượng thừa đất nêu trên, khoảng hơn 06 tháng sau khi mua giá đất tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương giảm giá trên thị trường bất động sản. Ông T1, ông V, ông M cùng bàn bạc, thống nhất cùng chịu lỗ và chuyển nhượng thừa đất giá 30.500.000.000 đồng (ba mươi tỷ năm trăm triệu đồng).

Do tìm kiếm không có người nhận chuyển nhượng đất, ông V, ông M đồng ý, thống nhất chuyển nhượng lại thừa đất nêu trên cho ông T1 với giá là 30.500.000.000 đồng (ba mươi tỷ năm trăm triệu đồng). Tiền lỗ vốn là 5.500.000.000 đồng chia đều cho ba người.

Theo giá nhận chuyển nhượng thừa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là 36.000.000.000 đồng, một người góp vốn 12.000.000.000 đồng. Theo giá chuyển nhượng lại thừa đất nêu trên cho ông T1 30.500.000.000 đồng thì ông T1, ông V, ông M mỗi người nhận lại số tiền 10.166.600.000 đồng (mười tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Ông T1, ông V, ông M cùng góp vốn mua đất giá trị vốn góp bằng, tương đương nhau. Do ông T1 đang quản lý, sử dụng thừa đất nêu trên nên tại Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 19/4/2021 thì ông T1 đồng ý trả lại vốn góp cho ông V 11.500.000.000 đồng, trả lại vốn góp cho ông M 11.500.000.000 đồng.

Đối với số tiền ông M được lấy về 16.600.000.000 đồng ghi tại Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 19/4/2021 là do tại thời điểm xác lập Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng QSDĐ và tài sản trên đất ông M và ông T1 có bàn bạc, thỏa thuận với nhau như sau:

+ Đối với số tiền ông M góp vốn mua đất 12.000.000.000 đồng là tiền ông M vay, mượn ngoài xã hội, tiền lãi ông M phải trả 5.100.000.000 đồng. Ông M yêu cầu ông T1 phụ giúp tiền lãi này cho ông M.

+ Ông T1 và ông M đã thống nhất, thỏa thuận khi ông T1 bán, chuyển nhượng được thừa đất nêu trên ông T1 sẽ phụ giúp, trả tiền lãi 5.100.000.000 đồng cho ông M.

Từ các thỏa thuận nêu trên giữa ông T1, ông V, ông M đối với số tiền góp vốn nhận chuyển nhượng thừa đất nêu trên sau khi ông T1, ông V, ông M chịu lỗ vốn góp, chuyển nhượng lại cho ông T1 số tiền 30.500.000.000 đồng, ông T1 đã hoàn trả đầy đủ cho ông M 11.500.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi 5.100.000.000 đồng ông M khởi kiện yêu cầu ông T1 trả cho ông M thì ông T1 đồng ý trả cho ông M một phần diện

tích thửa đất số 254, tờ bản đồ số 54, diện tích 42.718m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 551375 nêu trên với giá trị tương đương 5.100.000.000 đồng. Cụ thể ông T1 đồng ý tách thửa đất với diện tích ngang 36.4m, dài 55m, tổng diện tích 2002m<sup>2</sup> để cần trừ số tiền 5.100.000.000 đồng là tiền lãi mà ông T1 đã bàn bạc, thỏa thuận phụ giúp, trả cho ông M. Hoặc phần đất khác để cần trừ số tiền 5.100.000.000 đồng.

*- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy L1, ông Phạm Quốc L trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Thùy L1 và ông Trần Quốc T1 là vợ chồng. Ngày 04/7/2020 tại nhà bà L1 thuộc xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương, ông T1, ông Hoàng Quốc V, ông Bùi Văn M có xác lập Văn bản thỏa thuận góp vốn nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, ông T1, ông Hoàng Quốc V, ông Bùi Văn M đồng ý để cho ông Trần Quốc H là em ruột ông T1 nhận chuyển nhượng, đứng tên dùm trên sổ đất. Thửa đất ông T1, ông Hoàng Quốc V, ông M góp vốn mua, nhận chuyển nhượng cụ thể như sau: Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 54, địa chỉ: Xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương, diện tích: 42.718 m<sup>2</sup>. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CT 551375 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Vũ Văn B ngày 23/12/2019, đăng ký biến động chuyển quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh Bình Dương từ ông Vũ Văn B sang ông Trần Quốc H ngày 10/7/2020. Ngày 19/4/2021 tại nhà ông M, giữa ông V, ông M, ông T1 xác lập Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất với nội dung ông V, ông M thỏa thuận chuyển nhượng lại thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 551375 nêu trên cho ông T1 toàn quyền sử dụng. Thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 551375 nêu trên ông T1 đã vay một số tiền để góp vốn cùng ông V, ông M cùng nhận chuyển nhượng. Do bà L1 là vợ của ông T1 nên thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 551375 nêu trên ông T1 nhờ em của ông T1 là ông Trần Quốc H đứng tên dùm trên sổ đất, thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 551375 nêu trên là tài sản chung của vợ chồng.

Nay, với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn M, bà Nguyễn Thị Thùy L1 không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc H, ông Phạm Quốc L trình bày:*

Ông Trần Quốc H là người đứng tên thửa đất số 254, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương, có diện tích: 42.718 m<sup>2</sup>, được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CT 551375 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông

Vũ Văn B ngày 23/12/2019, đăng ký biến động chuyển quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh Bình Dương từ ông Vũ Văn B sang ông Trần Quốc H ngày 10/7/2020.

Đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 551375 nêu trên, ngày 04/7/2020 tại nhà ông T1, giữa ông H, ông V, ông M, ông T1 có xác lập Văn bản thỏa thuận góp vốn nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, theo Văn bản thỏa thuận được ký giữa ông H, ông V, ông M, ông T1 thì ông H chỉ là người đứng ra nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Vũ Văn B, đồng thời đại diện cho ông V, ông M, ông T1 đứng tên dùm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 551375 nêu trên.

Đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 551375 nêu trên ông H không bỏ vốn, không góp vốn cùng ông V, ông M, ông T1.

Ngày 19/4/2021 tại nhà ông M, giữa ông H, ông V, ông M, ông T1 xác lập Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, theo Văn bản thỏa thuận được ký giữa ông H, ông V, ông M, ông T1 ngày 19/4/2021 thì ông V, ông M thỏa thuận chuyển nhượng lại thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 551375 nêu trên cho ông T1 toàn quyền sử dụng, ông H đại diện ông T1 đứng tên dùm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 551375 nêu trên.

Do ông H là em ruột của ông T1, đồng thời đứng tên dùm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 551375 nêu trên, nay ông M, ông T1 tranh chấp Hợp đồng góp vốn để mua, nhận chuyển nhượng thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 551375 nêu trên, ông H cam kết không tranh chấp về quyền sử dụng đất đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 551375 nêu trên đối với ông T1, ông M; với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn M, ông Trần Quốc H không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Quốc V trình bày:*

Trước đây, vào ngày 04/7/2020, tại nhà ông Trần Quốc T1, gồm ông Bùi Văn M, ông Hoàng Quốc V; ông Trần Quốc T1 có lập văn bản thỏa thuận góp vốn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất. Theo đó, 03 người chúng tôi thỏa thuận cử ông Trần Quốc H là người đứng ra đại diện cho ông M, ông T1, ông V nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 551375 vào sổ số CS03584 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23/11/2019 và toàn bộ tài sản trên đất là trại heo nằm trên quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận nêu trên với tổng giá trị là 36.000.000.000 đồng (ba mươi sáu tỷ đồng). Thông qua văn bản thỏa thuận, 03 người gồm ông Bùi Văn M, ông Hoàng Quốc V; ông Trần Quốc T1 thỏa thuận góp vốn như sau: Mỗi ông Hoàng Quốc V, ông Bùi Văn M và ông Trần Quốc T1 góp vốn với số tiền 12.000.000.000 đồng. Với tổng số vốn là 36.000.000.000 đồng, ông Trần Quốc H sẽ là người đứng ra nhận chuyển nhượng,

không góp vốn cũng không được hưởng lợi tức phát sinh sau này. Đến ngày 19/4/2021, các bên gồm ông Bùi Văn M, ông Hoàng Quốc V; ông Trần Quốc T1; ông Trần Quốc H lập Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông Trần Quốc T1 đứng ra tiếp quản, quản lý và chúng tôi rút vốn. Giá chuyển nhượng lại cho ông T1 là 30.500.000.000 đồng. Trong đó: Ông Hoàng Quốc V được lấy về số tiền là 11.500.000.000 đồng. Ông Bùi Văn M được lấy về 16.600.000.000 đồng. Ông Trần Quốc T1 được lấy về số tiền 2.400.000.000 đồng. Tuy nhiên vào thời điểm thỏa thuận, ông Trần Quốc T1 chưa trả tiền cho ông Hoàng Quốc V. Vào khoảng tháng 8/2022, ông V có gặp ông T1, hai bên đã thỏa thuận thống nhất việc ông T1 không đủ tiền trả cho ông V theo thỏa thuận mua bán trước đó thì ông V vẫn có quyền sử dụng một phần ba thửa đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên. Còn việc ông Bùi Văn M và ông Trần Quốc T1 đã thỏa thuận thế nào thì ông V không biết. Nay, với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn M, ông Hoàng Quốc V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Còn việc thỏa thuận giữa ông V và ông T1, nếu không giải quyết được thì ông V sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Ngoài ra, ông V không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông T1 và bà L1 chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông M với tổng số tiền 6.275.836.000 đồng gồm số tiền chưa thanh toán là 5.100.000.000 đồng và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ tạm tính kể từ ngày 01/7/2021 cho đến ngày 19/10/2023 là 1.175.836.000 đồng (cụ thể: Kể từ ngày 01/7/2021 cho đến ngày 13/7/2023 là 6.600.000.000 đồng  $\times 10\%/năm \times 12$  ngày = 21.699.000 đồng. Kể từ ngày 13/7/2021 cho đến ngày 19/10/2023 là 5.100.000.000 đồng  $\times 10\%/năm \times 827$  ngày = 1.154.137.000 đồng).

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn thừa nhận số tiền chưa thanh toán cho nguyên đơn là 5.100.000.000 đồng. Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn một phần diện tích thửa đất theo một phần diện tích thửa đất số 254 (cụ thể là ngang 36.4m đường, dài 55m, tổng diện tích 2002m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT551375, số vào sổ CS03584 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B với giá trị tương đương 5.100.000.000 đồng. Hoặc bằng quyền sử dụng đất khác với giá trị tương đương 5.100.000.000 đồng để cân trừ.

Đối với số tiền lãi chậm thanh toán do nguyên đơn yêu cầu là không có căn cứ vì thỏa thuận hợp tác có điều kiện theo Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 19/4/2021 tại nhà của ông Bùi Văn M gồm có các ông Hoàng Quốc V, Bùi Văn M, Trần Quốc T1 và ông Trần Quốc H đã thỏa thuận nếu đến ngày 30/6/2021 mà ông Trần Quốc T1 không trả hết số tiền trên cho ông Hoàng Quốc V và ông Bùi Văn M thì ông Trần Quốc T1 phải ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT551375, số vào sổ CS03584

do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23/12/2019 và toàn bộ tài sản trên đất cho ông V và ông M với giá thỏa thuận là 30.500.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không bổ sung gì thêm.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thùy L1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Bùi Văn M với tổng số tiền 6.275.836.000 đồng gồm số tiền chưa thanh toán là 5.100.000.000 đồng và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ tạm tính kể từ ngày 01/7/2021 cho đến ngày 19/10/2023 là 1.175.836.000 đồng (cụ thể: Kể từ ngày 01/7/2021 cho đến ngày 13/7/2023 là 6.600.000.000 đồng x 10%/năm x 12 ngày = 21.699.000 đồng. Kể từ ngày 13/7/2023 cho đến ngày 19/10/2023 là 5.100.000.000 đồng x 10%/năm x 827 ngày = 1.154.137.000 đồng). Theo Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 19/4/2021 thì ông Trần Quốc T1 phải thanh toán cho ông Bùi Văn M số tiền 16.600.000.000 đồng, ông T1 và bà L1 đã thanh toán số tiền 11.500.000.000 đồng, còn lại là 5.100.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận chưa thanh toán số tiền 5.100.000.000 đồng nên đây là chứng cứ không phải chứng minh, do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu tiền lãi chậm thanh toán là phù hợp; đối với yêu cầu cản trở phần quyền sử dụng đất là không phù hợp vì hiện thửa đất đang thế chấp tại ngân hàng, đến thời điểm 30/6/2021 ông T1 không thực hiện thủ tục chuyển nhượng, cũng không thanh toán tiền cho ông M, ông T1 sử dụng vốn vay nhưng không thanh toán, không chuyển nhượng lại là chưa phù hợp với thỏa thuận trên nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc phần tranh luận và đối đáp, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Văn bản chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 19/4/2021, nguyên đơn ông Bùi Văn M yêu cầu bị đơn ông Trần Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thùy L1 chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông M số tiền 5.100.000.000 đồng và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ tạm tính kể từ ngày 01/7/2021 cho đến ngày 19/10/2022 là 744.412.000 đồng. Bị đơn ông Trần Quốc T1 thừa nhận số tiền còn nợ là 5.100.000.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn,

ông Phạm Quốc L đề nghị khấu trừ một phần diện tích thửa đất theo thửa đất số 254 (cụ thể là ngang 36.4m đường, dài 55m, tổng diện tích 2002m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT551375, số vào sổ CS03584 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23/11/2019 với giá trị tương đương 5.100.000.000 đồng nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Văn M không đồng ý.

Các bên đồng thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là sự tự nguyện, không ai ép buộc. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận cũng như việc ông T1, bà L1 đồng ý tách thửa chuyển một phần diện tích quyền sử dụng đất cho ông Bùi Văn M để cân trừ số tiền 5.100.000.000 đồng cũng là sự tự nguyện của các bên. Tuy nhiên, nếu tách thửa chuyển một phần diện tích đất cho nguyên đơn ông M thì sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Vì vậy, bị đơn muốn thực hiện được việc tách thửa trên thì bị đơn phải thanh toán hết số tiền đã vay của Ngân hàng hoặc có thỏa thuận như thế nào với Ngân hàng, vì hiện tại thửa đất số 254, Tờ bản đồ số 54, tọa lạc xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương với diện tích: 42.718 m<sup>2</sup>, được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CT 551375 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trần Quốc H hiện đang được đảm bảo cho khoản vay của khách hàng Trần Quốc H theo hợp đồng vay số 161C20/1864 ngày 10/7/2020, thời hạn giải chấp là sau khi tất cả các nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 445TT20 ngày 10/7/2020 được thanh toán đầy đủ và Ngân hàng có văn bản xác nhận đồng ý chấm dứt Hợp đồng.

Theo quy định tại khoản 8 Điều 320 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định trường hợp tài sản đang thế chấp tại ngân hàng thì bên thế chấp không được bán, thay thế, trao đổi hay tặng cho tài sản thế chấp, trừ trường hợp được bên nhận thế chấp đồng ý. Nhận thấy, bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán tiền cho nguyên đơn theo thỏa thuận.

Vì vậy, với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn M buộc bị đơn ông Trần Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thùy L1 chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 6.275.836.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ Điều 188 của Luật đất đai năm 2013; Điều 275, Điều 276, Điều 280, Điều 299, Điều 303, khoản 8 Điều 320 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thùy L1 chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 6.275.836.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Bùi Văn M yêu cầu bị đơn ông Trần Quốc T1 phải thanh toán tổng số tiền đã hợp tác bằng hình thức góp vốn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 6.275.836.000 đồng, trong đó: tiền

gốc là 5.100.000.000 đồng và lãi chậm trả là 1.175.836.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng hợp tác theo quy định tại Điều 504 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện, biên bản xác minh, công văn trả lời về việc xác minh nhân khẩu thường trú số 269/VB-CAH(QLHC) ngày 06/7/2021 của Công an huyện P, tỉnh Bình Dương xác định bị đơn ông Trần Quốc T1 có hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Quốc V nhưng hiện tại ông V có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong các buổi hoà giải, phiên toà sơ thẩm. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 5, 6, 91 và các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt ông Hoàng Quốc V.

[4] Tại Công văn số 107/TA-DS ngày 21/4/2023 V/v cung cấp hồ sơ quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thùy L1, UBND thị trấn P, huyện P xác định bà Nguyễn Thị Thùy L1 có quan hệ hôn nhân với ông Trần Quốc T1, đồng thời theo yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cần thiết đưa bà Nguyễn Thị Thùy L1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[5] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền vốn đã góp là 5.100.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 19/4/2021, bị đơn ông Trần Quốc T1 thừa nhận chưa thanh toán số tiền còn lại mà nguyên đơn được lấy về theo thỏa thuận là 5.100.000.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Quốc T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thời gian được thỏa thuận trong Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 19/4/2021 nên nguyên đơn ông Bùi Văn M khởi kiện tại Tòa án yêu cầu buộc bị đơn ông Trần Quốc T1 phải có nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 5.100.000.000 là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị được trả số tiền 5.100.000.000 đồng bằng việc trả cho ông M một phần diện tích thửa đất số 254 (cụ thể là ngang 36.4m đường, dài 55m, tổng diện tích 2002m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT551375,

số vào sổ CS03584 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B với giá trị tương đương 5.100.000.000 đồng nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, việc người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị được cản trừ số tiền 5.100.000.000 đồng bằng một phần diện tích thửa đất số 254 (cụ thể là ngang 36.4m đường, dài 55m, tổng diện tích 2002m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 54 là không phù hợp vì các căn cứ sau:

[8]- Căn cứ vào Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 19/4/2021 giữa ông Trần Quốc T1, ông Hoàng Quốc V, ông Bùi Văn M và ông Trần Quốc H trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nội dung và hình thức của Văn bản thỏa thuận ngày 19/4/2021 phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực.

[9]- Căn cứ nội dung Văn bản thỏa thuận ngày 19/4/2021 thể hiện: “Nếu đến ngày 30/6/2021 mà ông Trần Quốc T1 không trả hết số tiền trên cho ông Hoàng Quốc V và ông Bùi Văn M thì ông Trần Quốc T1 phải ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT551375, số vào sổ CS03584 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23/12/2019 và toàn bộ tài sản trên đất là trang trại chăn nuôi heo cho ông Hoàng Quốc V và ông Bùi Văn M bằng với giá đã thỏa thuận là 30.500.000.000 đồng”. Đến thời điểm 30/6/2021 ông Trần Quốc T1 chưa thanh toán đầy đủ số tiền như thỏa thuận cho ông Bùi Văn M nhưng ông T1 cũng không tiến hành các thủ tục để chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT551375, số vào sổ CS03584 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23/12/2019 và toàn bộ tài sản trên đất là trang trại chăn nuôi heo cho ông Hoàng Quốc V và ông Bùi Văn M. Trong khi đó, giữa ông V và ông T1 có thỏa thuận phân chia một phần diện tích đất trên cho ông V sử dụng theo như lời trình bày của ông Hoàng Quốc V.

[10]- Bị đơn ông Trần Quốc T1 đã nhận tài sản và thế chấp vay vốn tại Ngân hàng để sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng cho vay số 161C20/1864 ngày 10/7/2020 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh B1 và bên vay là ông Trần Quốc H với số tiền cho vay là 22.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 240 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Do đó, đến ngày 30/6/2021 và đến thời điểm xét xử thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT551375, số vào sổ CS03584 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 23/12/2019 vẫn đang thế chấp vay vốn tại ngân hàng nên việc chuyển nhượng một phần thửa đất trên là không thể thực hiện được.

[11]- Bị đơn đã thanh toán 11.500.000.000 đồng/16.600.000.000 đồng như thỏa thuận, việc tách một phần đất để thanh toán cho nguyên đơn ứng với số tiền chưa thanh toán là chưa phù hợp với thỏa thuận của các bên, giá trị quyền sử dụng đất ứng với số tiền chưa thanh toán không được thỏa thuận và cũng không có cơ sở xác định giá trị

tương đương; mặt khác, việc tách một phần đất trên phải phù hợp quy hoạch, quy định về điều kiện tách thửa, phải được sự đồng ý của Ngân hàng nhận thế chấp và quy định của pháp luật về đất đai.

[12] Về yêu cầu trả tiền lãi: Tại văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 19/4/2021 giữa các bên không thỏa thuận tiền lãi chậm trả. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận số tiền chưa thanh toán và bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã xâm hại đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm, cụ thể như sau:

[13] Lãi chậm trả của số tiền 6.600.000.000 đồng kể từ ngày 01/7/2021 cho đến ngày 13/7/2023 là  $6.600.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 12 \text{ ngày} = 21.699.000 \text{ đồng}$ . Lãi chậm trả của số tiền 5.100.000.000 đồng kể từ ngày 14/7/2021 cho đến ngày 19/10/2023 là  $5.100.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 827 \text{ ngày} = 1.154.137.000 \text{ đồng}$ . Tổng tiền lãi chậm trả là 1.175.836.000 đồng.

[14] Việc yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn M, buộc ông Trần Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thùy L1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông Bùi Văn M tổng số tiền là 6.275.836.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 5.100.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả là 1.175.836.000 đồng.

[16] Xét ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466, 468, 504, 505, 508, 509, 510, 512 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn M đối với bị đơn ông Trần Quốc T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy L1 về “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”.

2. Buộc bị đơn ông Trần Quốc T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Bùi Văn M số tiền là 6.275.836.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 5.100.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 1.175.836.000 đồng.

Kể từ ngày 20/10/2023, ông Trần Quốc T1 và bà Nguyễn Thị Thùy L1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho nguyên đơn ông Bùi Văn M số tiền 56.550.000 đồng (năm mươi sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007908 ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

Bị đơn ông Trần Quốc T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy L1 phải liên đới nộp số tiền 114.295.000 đồng (một trăm mười bốn triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Hữu Duyên**